

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 24/7/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch.

Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2025/TLST-DS ngày 03/4/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-DS ngày 20/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc L, sinh ngày: 01/9/1961.

Trú tại: Tổ 20, khu phố 2, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ mới: Tổ 20, ấp 2, xã A, tỉnh Đ.

Số CCCD: 001161035939, cấp ngày 04/3/2022, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1976, địa chỉ: J72, đường N3, KDC Bửu Long, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đ, địa chỉ mới: J72, đường N3, KDC B, khu phố 1, phường T, tỉnh Đ hoặc chị Nguyễn Thị , sinh năm: 1976, địa chỉ: Tổ 22, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, địa chỉ mới: Tổ 22, khu phố 2, phường T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Hà Thị T, sinh ngày: 20/7/1953 và ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1952;

Cùng trú tại: Số 1/5, đường Đ, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ mới: Số 1/5, đường Đ, ấp 5, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Số CCCD bà Hà Thị T: 025153003795, cấp ngày 16/01/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

(nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa - Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Ngọc L – Chị Nguyễn Thị Diệu trình bày:

Do quen biết, cùng là giáo viên dạy tại trường PTTH T – T, tháng 6/2012 vợ chồng bà Hà Thị T, ông Nguyễn Xuân Th đã vay mượn của bà 02 lần: 80.000.000 đồng và 45.000.000 đồng. Giấy vay tiền hai vợ chồng ông Th, bà T cùng ký. Sau khi vay mượn tiền thì bà T, ông Th có trả lãi được một thời gian thì sau đó ngưng không trả nợ, nên bà khởi kiện yêu cầu ông Th, bà T phải trả số tiền nợ là 125.000.000 đồng cho bà.

Tại phiên tòa, bổ sung yêu cầu bị đơn phải trả thêm số tiền nợ lãi từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2025 là 98.000.000 đồng, mức lãi suất 1%/tháng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả cho bà L là 223.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Hà Thị T, ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Ông bà vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của bà L là có cơ sở chấp nhận nên buộc ông Th, bà T phải có trách nhiệm trả nợ theo đơn khởi kiện của bà L; ông Th, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Đối với phần yêu cầu ông Th, bà T trả số tiền lãi 98.000.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vì yêu cầu này nộp sau khi đã công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng vắng mặt nên không biết về việc thay đổi yêu cầu để trình bày ý kiến, nên giành quyền khởi kiện cho bà L trong vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Dương Ngọc L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm: 1952, bà Hà Thị T, sinh năm: 1953, cùng địa chỉ: Số 1/5, đường Điện Biên Phủ, ấp 5, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phải trả số tiền nợ là 125.000.000 đồng, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn nộp đơn đúng trình tự thủ tục.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không

có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Dương Ngọc L:

Theo giấy vay tiền ngày 23/6/2012 và giấy vay tiền tháng 6/2012, giấy nhận nợ tháng 10/2018, thể hiện bà L có cho bà T, ông Th vay số tiền lần lượt là 45.000.000 đồng, thời hạn vay là khi nào bà L cần thì bà T, ông Th sẽ trả và 80.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào bà L cần báo trước 02 tháng sẽ trả; các giấy vay này phần ký người vay đều có chữ ký, chữ viết tên bà Hà Thị T, ông Nguyễn Xuân Th. Quá trình vay thì nguyên đơn có trình bày về việc bà T, ông Th có trả lãi theo hai bên đã thỏa thuận thể hiện qua giấy nhận nợ được bà T, ông Th ghi vào năm 2018 và trả tiền lãi 65.000.000 đồng từ tháng 3/2019 đến ngày 20/01/2020, bà L đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả. Đồng thời, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L cho bị đơn và yêu cầu bị đơn có ý kiến, nhưng bà T, ông Th không đến làm việc (ông bà có gửi giấy khám sức khỏe có tên bà Hà Thị T từ năm 2024), thể hiện việc ông bà biết việc bà L khởi kiện nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến là trốn tránh nghĩa vụ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy việc vay mượn tiền và quá trình trả tiền nợ giữa các bên đương sự là có thật, bà L khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 353, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Th, bà T phải trả tiền nợ cho bà L.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nộp đơn bổ sung yêu cầu về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 98.000.000 đồng (tính từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2025, với mức lãi suất là 01%/tháng) cho bà L, xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn nộp sau thời điểm Tòa án mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, nên bị đơn không được biết về việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn; để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu về lãi của bà L, nhưng giành quyền khởi kiện cho bà L trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí:

Bà T, ông Th phải chịu án phí sơ thẩm là 6.250.000 đồng.

Bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng không xem xét về việc trả lại tạm ứng án phí.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 351, 353, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Ngọc L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với ông Nguyễn Xuân Th, bà Hà Thị T.

2. Ông Nguyễn Xuân Th, bà Hà Thị T phải trả cho bà Dương Ngọc L số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Th, bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Bà Dương Ngọc L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hà Thị T, ông Nguyễn Xuân Th được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp (02);
- Thi hành án (01);
- TAND tỉnh Đồng Nai(01);
- Dương sự (02);
- Lưu (HS, VP) (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương